TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2019
V/v: Ly hôn giữa chị Th và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện
2. Bà Huỳnh Phương Lan

Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Th, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-12-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1996, chị Ngô Thị Th và anh Nguyễn Văn N quen biết và về chung sống vợ chồng với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau và anh N thường xuyên đánh đập chị Th, vì con chị Th đã cố gắng chịu đựng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị Th và anh N đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh N và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị Th và anh N có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh Nh, sinh năm 1999 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 13-10-2003. Nay cháu Nguyễn Thị Huỳnh Nh đã trưởng thành, chị Th yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Văn L, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa anh N vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Ngô Thị Th và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị Th và anh Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 03-12-2018 chị Ngô Thị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Anh Nguyễn Văn N chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thị Th, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngô Thị Th và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau vào năm 1996 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó, không công nhận chị Ngô Thị Th và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng là phù hợp pháp luật.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị Th và anh N có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh Nh, sinh năm 1999 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 13-10-2003. Nay cháu Nguyễn Thị Huỳnh Nh đã trưởng thành, chị Th yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Văn L, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con vì chị có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế nuôi con được. Xét thấy, trong thời gian chị Th và anh N sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay cháu L vẫn do chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Bên cạnh đó, cháu L có ý kiến trong bản khai là theo mẹ, nghị nên giao cháu L cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị Th được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Văn L. Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh N đúng theo quy định pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa chị Th và anh N được. Mặt khác, tại Toà án cũng như tại phiên toà chị Th xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh N, anh chị không tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ ai. Cho nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[6] *Về án phí:* Chị Th là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị Th và anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Chị Ngô Thị Th và anh Nguyễn Văn N có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh Nh, sinh năm 1999 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 13-10-2003. Nay cháu Nguyễn Thị Huỳnh Nh đã trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Văn L cho chị Ngô Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thị Th phải nộp 300.000 đồng nhưng chị Th được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009405 ngày 06-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Th không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân